



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2022

BẢN TIN SỐ 1353

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 13/05/2022 đến ngày 19/05/2022)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	13-05	16-05	17-05	18-05	19-05
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	452 - 456	452 - 456	454 - 458	454 - 458	453 - 457
	5% tấm	442 - 446	442 - 446	444 - 448	444 - 448	443 - 447
	25% tấm	430 - 434	430 - 434	433 - 437	433 - 437	431 - 435
	Hom Mali 92%	948 - 952	948 - 952	948 - 952	948 - 952	975 - 979
	Gạo đỏ 100% Stxd	452 - 456	452 - 456	450 - 454	450 - 454	450 - 454
	A1 Super	405 - 409	405 - 409	412 - 416	412 - 416	410 - 414
VIỆT NAM	5% tấm	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422
	25% tấm	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402
	Jasmine	528 - 532	528 - 532	528 - 532	528 - 532	528 - 532
	100% tấm	365 - 369	365 - 369	370 - 374	373 - 377	373 - 377
ẤN ĐỘ	5% tấm	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	25% tấm	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327
	Gạo đỏ 5% Stxd	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347
	100% tấm Stxd	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327
PAKISTAN	5% tấm	348 - 352	348 - 352	368 - 372	373 - 377	373 - 377
	25% tấm	333 - 337	333 - 337	356 - 360	360 - 364	360 - 364
	100% tấm Stxd	343 - 347	343 - 347	358 - 362	361 - 365	361 - 365
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	413 - 417	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422
MỸ	4% tấm	658 - 662	658 - 662	658 - 662	658 - 662	658 - 662
	15% tấm (Sacked)	628 - 632	628 - 632	628 - 632	628 - 632	628 - 632
	Gạo đỏ 4% tấm	681 - 685	681 - 685	681 - 685	681 - 685	681 - 685
	Calrose 4%	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Guyana:

****Dự báo từ FAO:***

Ngày 16/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) ước tính sản lượng lúa năm 2021 của Guyana đạt 860.000 tấn, giảm khoảng 19% so với 1,058 triệu tấn năm 2020.

Vụ thu hoạch lúa đầu tiên năm 2022, chiếm khoảng một nửa sản lượng hàng năm, đang được tiến hành và năng suất được báo cáo là tốt. Việc sử dụng các giống lúa cải tiến và hướng dẫn kỹ thuật do Hội đồng Phát triển Lúa Guyana (GRDB) cung cấp được kỳ vọng sẽ thúc đẩy năng suất. Diện tích trồng được ước tính chính thức ở mức trên trung bình là 95.000 ha.

Vụ lúa thứ hai năm 2022 mới bắt đầu gieo cấy vào giữa tháng 5 và diện tích được dự báo ở mức trên trung bình là 93.000 ha.

Xuất khẩu gạo của Guyana bị ảnh hưởng vào năm 2021 do sản lượng thấp hơn do ảnh hưởng của lũ lụt. FAO dự báo xuất khẩu năm 2022 sẽ phục hồi lên mức trên trung bình và trước năm 2021 nếu sản lượng đạt trên mức trung bình.

Mexico:

****Lên kế hoạch thúc đẩy sản xuất phân bón:***

Ngày 16/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Theo Reuters, Chính phủ Mexico đang có kế hoạch thúc đẩy sản xuất phân bón trong nước như một phần trong nỗ lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp địa phương và kiểm soát lạm phát giá tiêu dùng. Chính phủ đang quan tâm đến việc giảm nhập khẩu và tăng sản lượng địa phương đối với các loại lương thực chính như ngô, gạo, đậu.

Chính phủ đã lưu ý trong một tuyên bố rằng họ đang đầu tư vào các nhà máy sản xuất phân bón hiện có.

Tổng thống lưu ý rằng chính phủ đang có kế hoạch mở rộng việc phân phối phân bón miễn phí cho nông dân trên cả nước. Ông cho biết thêm chương trình sẽ được mở rộng đến một số tiểu bang khác, bao gồm Campeche, Quintana Roo, Tabasco và Veracruz. “Chúng tôi phải sản xuất (phân hữu cơ) vì nó rất tốt về mặt lý thuyết và những gì tự nhiên cũng là tốt nhất, nhưng chúng tôi cần phải tăng cường sản xuất”.

***Loại bỏ thuế quan nhập khẩu gạo:**

Ngày 16/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tờ Bloomberg Law trích dẫn nghị định được công bố vào ngày 16/05/2022, theo đó Chính phủ Mexico đã loại bỏ thuế nhập khẩu gạo và các mặt hàng lương thực khác như một phần trong nỗ lực kiểm soát lạm phát ở nước này.

Theo nghị định, Chính phủ sẽ miễn thuế xuất khẩu nhập đối với 66 mặt hàng bao gồm gạo, thịt lợn, thịt bò, bột ngô, đậu và xà phòng. Việc miễn trừ đối với các mặt hàng thực phẩm sẽ có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2022. Nghị định sẽ có hiệu lực trong một năm.

Trung Quốc:

***Nhập khẩu gạo từ Pakistan:**

Ngày 16/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tờ China Economic Net trích dẫn từ Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (GACC) cho biết Pakistan đã xuất khẩu 466.000 tấn gạo sang Trung Quốc trong ba tháng đầu năm 2022 (từ tháng 1 đến 3), tăng khoảng 9,34% so với 426.751 tấn.

Tham tán Thương mại của Đại sứ quán Pakistan tại Bắc Kinh nói với các phóng viên rằng Trung Quốc và Pakistan đã có quan hệ hợp tác rất chặt chẽ trong lĩnh vực nông nghiệp trong ba bốn năm qua. Ông nói thêm rằng các giống lúa năng suất và chất lượng cao của Trung Quốc cũng được quảng bá rộng rãi ở Pakistan.

“Mặc dù năm nay Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu, đặc biệt xuất khẩu một triệu tấn gạo sang Trung Quốc. Tôi cảm ơn các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu đã giới thiệu các giống lúa mới, các phương thức, kỹ thuật canh tác mới cho các nông dân địa phương và kỹ thuật tách màu đến Pakistan, điều này đã giúp làm tăng sản lượng gạo trong nước và xuất khẩu sang Trung Quốc.” Ông cho biết.

Iran:

***Tình hình nhập khẩu gạo:**

Ngày 17/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo báo cáo của Financial Tribune dẫn nguồn từ hãng thông tấn Mehr, Iran đã nhập khẩu 1,75 triệu tấn gạo trong năm dương lịch của Iran 2021/22 (21/3/2021 - 20/2/2022), cao hơn gấp 2 lần so với năm trước.

Theo Thư ký Hiệp hội lúa gạo Iran, sự gia tăng này được cho là do sản lượng năm trước bị giảm. “Thông tin gây hiểu lầm đến từ các quan chức về sản xuất trong nước của năm ngoái đã dẫn đến khối lượng nhập khẩu quá mức này. Năm ngoái, sản lượng đạt 2,25 triệu tấn, ít hơn năm trước 200.000 tấn nhưng không khác nhiều so với sản lượng bình thường hàng năm của chúng tôi. Trong năm tài chính 2020-21, lượng mưa cao và thời tiết thuận lợi đã khiến sản lượng tăng bất ngờ” ông cho biết.

Nhu cầu nội địa của Iran là khoảng 3 triệu tấn mỗi năm.

Ai Cập:

***Tình hình nhập khẩu gạo:**

Ngày 17/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

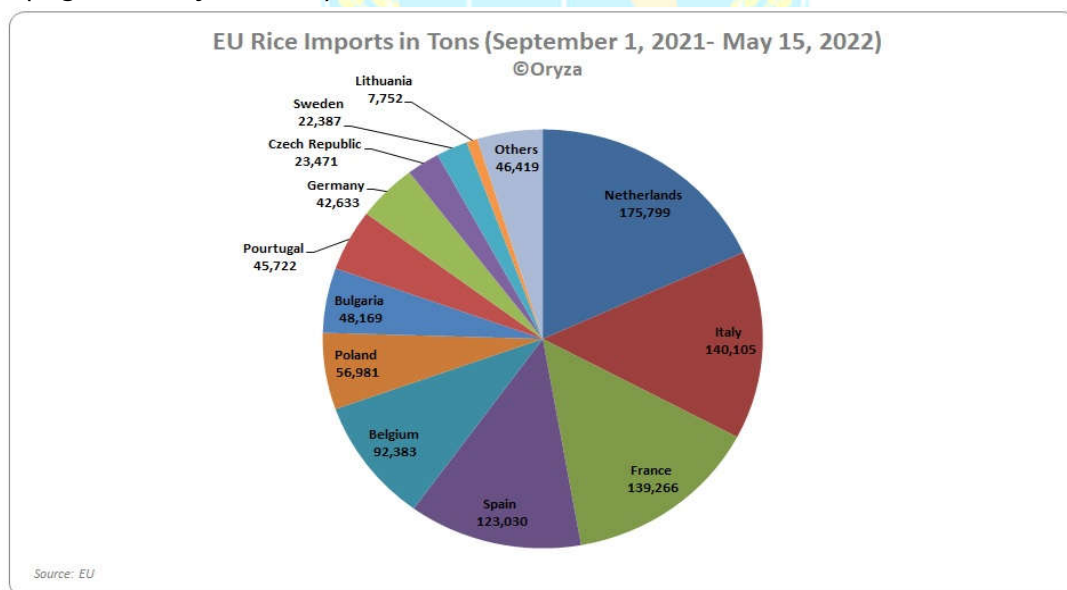
Theo báo cáo của Reuters, Cơ quan Tổng cục Cung ứng Hàng hóa (GASC) của Ai Cập đang tìm mua ít nhất 25.000 tấn gạo trắng trong một cuộc đấu thầu. Thời gian giao hàng từ tháng 01/07 đến 31/08/2022. Hạn chót nộp hồ sơ đấu thầu là ngày 19/05/2022.

Liên minh châu Âu:

***Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

Ngày 18/5/2022

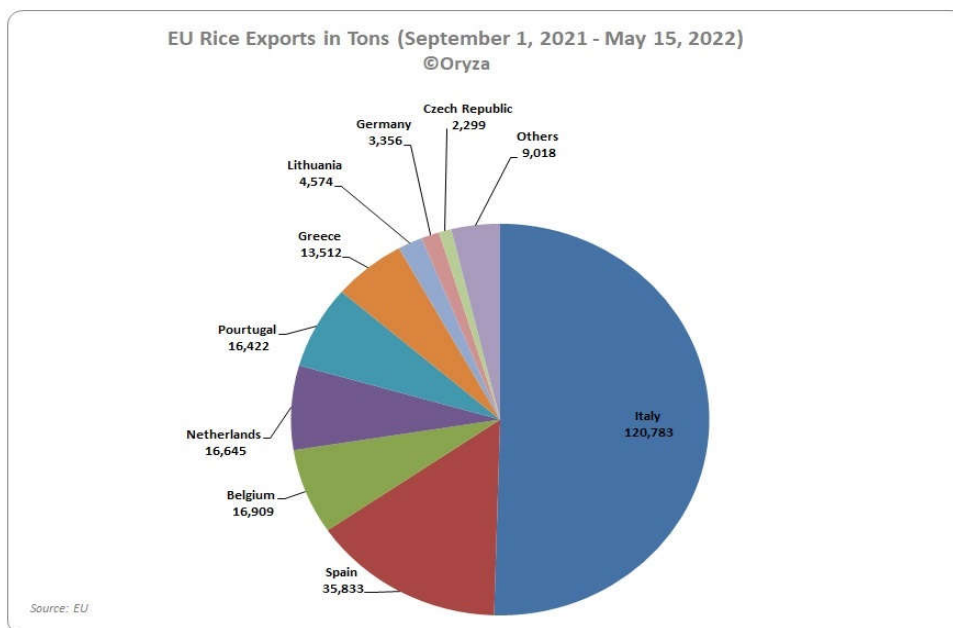
(Nguồn: *Oryza.com*)



Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09/2021 đến ngày 15/05/2022 của niên vụ 2021/22 (01/09/2021 - 31/08/2022), EU đã nhập khẩu tổng cộng 964.118 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 232.284 tấn và nhập khẩu gạo Indica

đạt tổng cộng 731.834 tấn), tăng khoảng 15,5% từ mức 834.684 tấn của cùng kỳ niên vụ 2020/2021.

Về xuất khẩu, EU đã xuất khẩu tổng cộng 239.351 tấn gạo xay xát, tăng khoảng 10% so với 219.528 tấn của cùng kỳ của niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 160.870 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 731.834 tấn.



Bangladesh:

***Thúc đẩy sản xuất dầu từ Gạo:**

Ngày 19/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo của BD News 24, Chính phủ Bangladesh đang có kế hoạch thúc đẩy sản xuất dầu từ cám gạo để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu dầu ăn.

Bộ trưởng Thương mại trao đổi với các phóng viên rằng chính phủ muốn giảm sự phụ thuộc vào dầu cọ và dầu đậu nành bằng cách tăng sản xuất dầu cám gạo và dầu mù tạt sản xuất trong nước.

Ông lưu ý rằng hiện tại, Bangladesh đang sản xuất 50.000 - 60.000 tấn dầu cám gạo hàng năm và năng lực sản xuất có thể tăng lên đến 70.000 tấn.

Ông cũng lưu ý rằng giá dầu tăng mạnh trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và sẽ còn tăng do tác động cuộc chiến Nga - Ukraine. Các biện pháp của chính phủ như giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) và thuế nhập khẩu dầu ăn không thể giải quyết cho các vấn đề. Nhu cầu cao trong mùa lễ hội gần đây dẫn đến nguồn cung thiếu hụt buộc chính phủ phải tăng giá dầu ăn lên tới 40Tk (khoảng 0,45 USD)/lít.

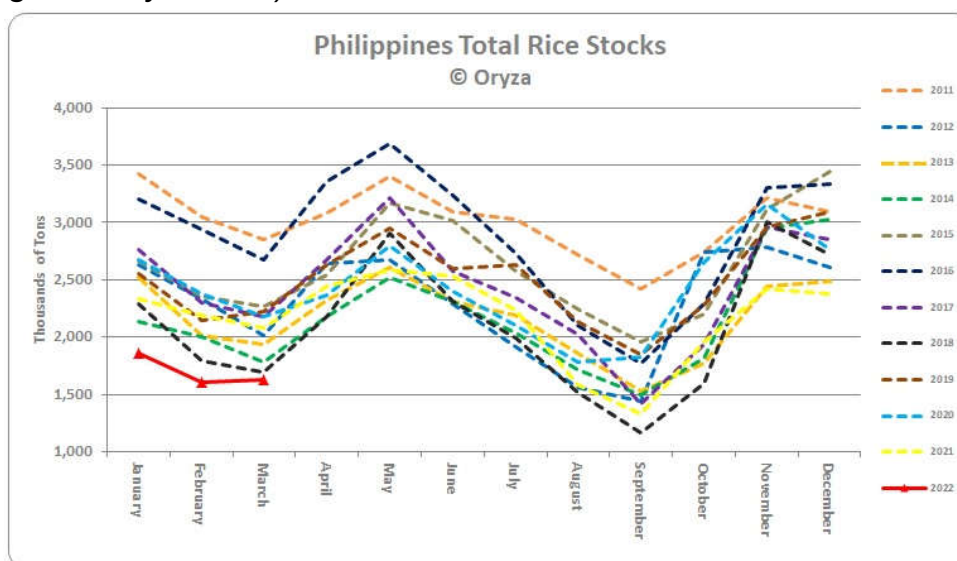
Ngoài ra, hoạt động của Cục Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng Quốc gia cho thấy nhiều thương nhân đang tích trữ hàng trăm nghìn lít dầu ăn để bán với giá cao hơn.

Philippines:

***Tình hình tồn kho gạo:**

Ngày 19/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)



Theo cơ quan Thống kê Philippines (PSA), tính đến ngày 01 tháng 03 năm 2022, tổng dự trữ gạo của quốc gia này ở mức 1,632 triệu tấn, giảm khoảng 21,5% so với 2,08 triệu tấn được ghi nhận trong cùng kỳ năm ngoái, giảm khoảng 1,4% từ 1,609 triệu tấn so với tháng trước. Trong đó, tồn kho hộ gia đình chiếm 864.920 tấn, tồn kho thương mại chiếm 611.330 tấn và tồn kho NFA chiếm 156.260 tấn.

II. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan:

Các đơn hàng giao đi Iraq tuần qua tiếp tục hỗ trợ cho thị trường nội địa, tuy nhiên lại gây áp lực lên các nhà xuất khẩu gạo khi giá trong nước ổn định ở mức cao, đẩy giá chào gạo trắng xuất khẩu tăng mạnh trong những tuần qua. Trong khi đó, các thị trường nhập khẩu khác vẫn tiếp tục vắng mặt, đặc biệt là khu vực châu Phi. Dự báo giá chào gạo Thái Lan sẽ tiếp tục nhóng lên trong thời gian tới, nhất là khi Philippines quay lại thị trường nhập khẩu với số lượng lớn do hoạt động bầu cử trong nước đã hoàn tất. Bên cạnh đó, sản lượng vụ mùa cũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu hiện nay khi nông dân Thái Lan dự định giảm lượng phân bón sử dụng do giá vật tư đầu

vào tăng cao. Nguồn cung gạo hàng hóa dành cho xuất khẩu theo đó được dự báo sẽ hạn chế hơn nếu Iraq tiếp tục nhập khẩu với tốc độ hiện nay. Tương tự đối với phân khúc gạo thơm Hom Mali, giá chào kết thúc tuần ngày 13/5 tăng nhẹ do cung cấp hạn chế.

Ấn Độ:

Tuần qua khá sôi động nhờ nhu cầu trong và ngoài nước hỗ trợ. Thị trường giảm nhẹ vào thời điểm đầu tuần do chính phủ giải phóng tồn kho, nguồn gạo hàng hóa theo đó dồi dào hơn, tuy nhiên, giá tăng trở lại vào lúc giữa tuần do nhu cầu nội địa cao cũng như Trung Quốc tiếp tục duy trì đà nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu ngành thức ăn chăn nuôi nước này. Riêng phân khúc gạo basmati khá yên ắng do tình trạng thiếu container rỗng và giá cước cao làm hạn chế các giao dịch mới.

Ấn Độ xuất khẩu 2,1 triệu tấn gạo các loại trong tháng 3/2022, tăng 4,4% so với tháng 2/2022 và tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gạo non-basmati chiếm đến 1,64 triệu tấn và gạo basmati là 460.321 tấn. Trung Quốc là khách hàng nhập khẩu gạo non-basmati lớn nhất của Ấn Độ trong tháng 3/2022, theo sau là Benin, Senegal và Madagascar. Trong khi đó, Iran tiếp tục là nước tiêu thụ gạo basmati lớn nhất của Ấn Độ trong tháng 3/2022, theo sau là Ả rập Saudi và Iraq.

Theo số liệu của Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI), tính đến ngày 01/5/2022, tồn kho gạo cả nước đạt 51,1 triệu tấn, đã bao gồm 26,61 triệu tấn lúa quy gạo, giảm khoảng 7% so với thời điểm 01/4/2022 và tăng khoảng 6% so với cùng kỳ năm trước.

Pakistan:

Thị trường trở lại trạng thái bình thường trong tuần qua sau kỳ nghỉ lễ Eid al-Fitr, cả hai phân khúc gạo basmati và non-basmati đều tăng giá so với thời điểm trước lễ. Các thương nhân xuất khẩu gạo đang đẩy mạnh mua vào tồn kho do đồng rupee Pakistan tiếp tục giảm giá so với đồng dollar, xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua vào hôm 13/5 – hệ lụy của tình trạng bất ổn chính trị - kinh tế trong nước cũng như thế giới. Tuy nhiên, mặt bằng giá chào gạo xuất khẩu tuần qua nhìn chung chỉ chịu sự chi phối chính từ thị trường lúa gạo nguyên liệu nội địa. Khách hàng khu vực Đông Phi bắt đầu quay lại thị trường nhập khẩu gạo trắng. Nhu cầu của Trung Quốc cũng được ghi nhận, tuy nhiên, các thương nhân lo ngại chất lượng gạo tồn kho không đáp ứng được tiêu chuẩn của nước này và có thể sẽ làm hạn chế các giao dịch mới. Dự báo giá chào gạo trắng Pakistan các loại sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Cước vận chuyển cao cũng là một trong những yếu tố đang tác động đến nguồn cung này. Riêng phân khúc gạo basmati tuần qua rất yên

áng do cung cấp hạn chế, một số thương nhân thậm chí không tham gia chào giá dù nhu cầu từ khu vực Trung Đông, Iran vẫn hiện hữu. Trong khi đó, thị trường trong nước đang được hỗ trợ bởi hoạt động giao các đơn hàng tàu, gạo lứt basmati đi châu Âu.

Miền Điện:

Kết thúc một tuần khá hỗn độn khi tình trạng mất điện vẫn chưa cải thiện, chính phủ kiểm soát thị trường ngoại hối và nguồn cung gạo hàng hóa theo đó cũng sụt giảm mạnh. Tình hình bất ổn chính trị lẫn kinh tế trong nước đang gây thiệt hại lớn cho các nhà xuất khẩu gạo Miền Điện. Mùa mưa đang đến cũng là một trong những nguyên nhân gây áp lực lên nguồn cung này do tiến độ làm hàng bị chậm lại. Bên cạnh đó, nhiều thương nhân lo sợ tình trạng kiểm soát tỷ giá sát sao trong thời gian dài buộc họ phải nâng giá chào bằng đồng USD cao hơn nhằm đảm bảo lợi nhuận và do đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nguồn cung này trên thị trường thương mại gạo thế giới. Thu nhập của người trồng lúa cũng như kết quả xuất khẩu gạo cả nước trong năm 2022 theo đó có thể bị sụt giảm do quyết định này của chính phủ được đưa ra giữa bối cảnh Miền Điện vừa ghi nhận các tín hiệu hồi phục sau một năm 2021 đầy ám đạm – hệ quả của cuộc nội chiến hồi tháng 2/2021. Thị trường vận tải biển khó khăn, sản lượng sụt giảm, giá nội địa tăng cao cũng là những nguyên nhân chính đang làm hạn chế nguồn cung này và trong tháng 5-6/2022, các thương nhân chủ yếu chỉ tập trung giao các đơn hàng đã ký kết trước đó.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 13/05	Ngày 16/05	Ngày 17/05	Ngày 18/05	Ngày 19/05
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,79	6,78	6,74	6,75	6,71
Euro (USD/Euro)	1,04	1,04	1,05	1,05	1,06
Rupiah Indonesia (IDR)	14.637,88	14.678,54	14.650,84	14.711,07	14.637,83
Rupee Ấn Độ (INR)	77,43	77,85	77,49	77,72	77,47
Yen Nhật Bản (JPY)	129,24	129,12	129,30	128,20	127,60
Philippines Peso (PHP)	52,36	52,52	52,39	52,38	52,21
Pakistan Rupees (PKR)	192,82	194,48	193,93	196,62	200,36
Baht Thái Lan (THB)	34,73	34,71	34,55	34,60	34,40
Vietnamese Dong (VND)	23.136,62	23.132,30	23.141,70	23.148,27	23.139,08

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 19/05/2022, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Hè Thu 2022 đã xuống giống được 1,052 triệu ha/1,520 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch xong khoảng 25 ngàn ha với năng suất 5,5 tấn/ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 13.05 đến 19.05.2022:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 9.151 ha (tăng 2.157 ha so với kỳ trước, tăng 963 ha so với CKNT), diện tích đã phòng trừ trong kỳ 5.964 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, Cần Thơ, Gia Lai, Bình Thuận, Đắk Lắk, Lâm Đồng, An Giang, ...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 3.212 ha (giảm 431 ha so với kỳ trước, tăng 1.616 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 161 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 336 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long...

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 11.096 ha (giảm 2.160 ha so với kỳ trước, giảm 10.656 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 678 ha; đã phòng trừ trong kỳ 3.738 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Hưng Yên, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Đà Nẵng, Hậu Giang...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 5.680 ha (giảm 32.699 ha so với kỳ trước, tăng 3.262 ha so với CKNT), đã phòng trừ trong kỳ 16.214 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Hải Dương, Bắc Ninh, Bình Thuận, An Giang, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.599 ha (tăng 495 ha so với kỳ trước, giảm 227 ha so với CKNT); đã phòng trừ trong kỳ 677 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: An Giang, Hậu Giang, Long An, Bà Rịa -Vũng Tàu, Sóc Trăng, Tây Ninh, Bình Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Long An, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 2.657 ha (giảm 1.550 ha so với kỳ trước, tăng 1.395 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 122 ha; đã phòng trừ trong kỳ 970 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 6.769 ha (giảm 587 ha so với kỳ trước, tăng 4.751 ha so với CKNT), nhiễm nặng 32 ha, diện tích đã phòng trừ trong kỳ 2.358 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Hưng Yên, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Hậu Giang, Tiền Giang, Tây Ninh...

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 44.580 ha (Giảm 21.105 ha so với kỳ trước, giảm 28.242 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 1.976 ha; diện tích phòng trừ trong kỳ 35.549 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh : Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Hậu Giang, Tiền Giang...

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá:** Diện tích nhiễm bệnh toàn vùng 15 ha (giảm 582 ha so với tuần trước) tỷ lệ nhiễm phổ biến 2,5-5%. Bệnh xuất hiện gây hại tại tỉnh Kiên Giang.

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 13.725 ha (tăng 7.498 ha so với kỳ trước, tăng 8.418 ha so với CKNT); nhiễm nặng 77 ha, đã phòng trừ trong kỳ 12.437 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Bình Định, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Long An, Cà Mau, Tây Ninh...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 5.353 ha (giảm 1.463 ha so với kỳ trước, giảm 418 ha so với CKNT), diện tích hại nặng 92 ha; diện tích trừ chuột trong kỳ 1.208 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, An Giang, Hậu Giang, Long an, Bạc Liêu, Sóc tRăng, Vĩnh Long...

- **Bọ trĩ:** Diện tích nhiễm 1.429 ha (Tăng 707 ha so với kỳ trước, giảm 1.543 ha so với CKNT) , diện tích đã phòng trừ trong kỳ là 775 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Định, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bạc Liêu, An Giang, Cà Mau, Tây Ninh, Hậu Giang, TP Hồ Chí Minh.

- **Hiện tượng lúa cỏ:** Xuất hiện cục bộ tại Hà Nam, Ninh Bình tỷ lệ phổ biến RR, cao 10-20%, cục bộ 40-50%. Diện tích nhiễm 1.169 ha (cao hơn 359 ha so với kỳ trước, cao hơn 1.121 ha so với CKNT), nặng 115,8 ha, mất trắng 11,7 ha, phòng trừ 1.064 ha.

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ:

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên những diện tích đã bị đạo ôn lá và các giống nhiễm, nhất là trên những diện tích lúa khi trở gặp điều kiện thời tiết có mưa, ẩm, chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cao;

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Trưởng thành sâu cuốn lá nhỏ lúa 3 vũ hóa.

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Rầy lúa 3 nở và hại trên các trà lúa đặc biệt trên các giống nhiễm.

- *Sâu đục thân 2 chấm*: Sâu non gây bông bạc diện hẹp trên trà lúa trở muộn.

- *Bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn* hại tăng; *chuột, bệnh đen lép* tiếp tục hại

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

- *Chuột*: Tiếp tục phát sinh gây hại trên các trà lúa, hại nặng cục bộ trên lúa Đông Xuân muộn giai đoạn trổ - chín;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Tiếp tục gây hại trên lúa Đông Xuân muộn, giai đoạn trổ - ngâm sữa. Đặc biệt trên những vùng đã nhiễm bệnh đạo ôn lá, vùng ổ dịch nhiễm bệnh hàng năm, vùng gieo trồng giống nhiễm, bón thừa đạm;

- *Bệnh khô vằn*: Tiếp tục phát sinh gây hại tăng nhanh trên lúa Đông Xuân chính vụ - muộn, hại nặng cục bộ trên những diện tích gieo cấy dày, bón thừa đạm;

- *Bệnh bạc lá vi khuẩn*: Bệnh tiếp tục phát sinh, gây hại tăng trên lúa chính vụ - muộn, giai đoạn trổ - chín sữa, gây hại nặng trên những chân ruộng bón phân không cân đối (thừa đạm, thiếu kali) khi gặp điều kiện mưa rào, dông, gió lớn;

- *Bệnh đen lép hạt*: Phát sinh gây hại tăng trên trà lúa trổ tại các tỉnh trong vùng khi gặp điều kiện thời tiết âm u, có mưa, độ ẩm cao, sương mù kéo dài...

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, sâu keo, bệnh đạo ôn lá... tiếp tục gây hại trên lúa Xuân Hè và lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đứng cái, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. *Chuột* tiếp tục gây hại rải rác lúa Xuân Hè, lúa Hè Thu giai đoạn mạ - đẻ nhánh.; *Ốc bươu vàng* lây lan theo nguồn nước và gây hại lúa Xuân Hè (Bình Định) và lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống - mạ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

d) Các tỉnh Nam Bộ

- *Rầy nâu*: Trên đồng ruộng rầy trưởng thành tiếp tục di trú và rải rác có rầy cám nở, gây hại phổ biến ở mức nhẹ -trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – đòng, trổ.

- *Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá*: Có khả năng tiếp tục phát triển trên trà lúa Hè Thu 2022, nhất là trên những ruộng gieo sạ không theo đúng lịch khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- *Bệnh đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt*: Do điều kiện thời tiết mưa nhiều, độ ẩm cao, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch thuận lợi cho bệnh phát triển. Dự báo, trong thời gian tới diện tích, mức độ hại có thể gia tăng, nhất là trên những ruộng gieo trồng giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm.

Ngoài ra, thời tiết trong khu vực thời gian tới mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho *ốc bươu vàng*,... phát triển và lây lan gây hại, đặc biệt trên những chân ruộng thấp trũng mới gieo sạ. Chú ý theo dõi đối tượng này, khuyến cáo áp dụng các biện pháp canh tác để diệt trừ.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/05 đến 15/05/2022 đạt 318.639 tấn, trị giá 153,724 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng tăng 19,46% và về trị giá tăng 6,28%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến ngày 15/05/2022 đạt 2,377 triệu tấn, trị giá 1,160 tỷ USD, so với cùng kỳ 2021 tăng 6,49% về số lượng và giảm 4,30% về trị giá.

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/05 - 19/05/2022, có 31 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 228.000 tấn gạo các loại trong đó, 26 tàu cảng Hồ Chí Minh và 05 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hoàng Triều 68	HCM	22/04/2022	6.400	Philippines
2	VF Glory	HCM	22/04/2022	8.000	Philippines
3	Royal 89	HCM	24/04/2022	5.000	Philippines
4	Hoà Bình 09	HCM	25/04/2022	6.400	Philippines
5	Ocean 19	HCM	25/04/2022	6.600	Philippines
6	TTC Hải Phong	HCM	25/04/2022	6.200	Philippines
7	Việt Hải Star	HCM	26/04/2022	3.800	Philippines
8	Hà Đông	Mỹ Thới	27/04/2022	4.000	Philippines
9	Quang Minh 18	Mỹ Thới	27/04/2022	4.100	Malaysia

Bản tin 1353 (Từ Ngày 13/05/2022 Đến Ngày 19/05/2022)

10	Quang Minh 9	Mỹ Thới	27/04/2022	4.300	Philippines
11	Ming Yue 69	HCM	02/05/2022	6.200	Philippines
12	Dolphin 15	HCM	03/05/2022	4.700	Philippines
13	Hải Hà 388	HCM	03/05/2022	6.300	Philippines
14	New Xa La	Mỹ Thới	03/05/2022	4.100	Philippines
15	Erietta	HCM	04/05/2022	36.000	Châu Phi
16	New Hope	HCM	04/05/2022	10.500	Philippines
17	Bangsaolong	HCM	05/05/2022	7.200	Philippines
18	Hoà Bình 45	HCM	05/05/2022	4.000	Philippines
19	Guama	HCM	06/05/2022	30.000	Cuba
20	Tân Long 3	HCM	07/05/2022	4.700	Philippines
21	Zircon	HCM	08/05/2022	7.200	Philippines
22	Hoàng Tuấn 88	Mỹ Thới	09/05/2022	4.800	Philippines
23	Mekong	Mỹ Thới	09/05/2022	4.100	Philippines
24	Hải Phượng Glory	HCM	12/05/2022	4.900	Philippines
25	Hoà Bình 54	HCM	12/05/2022	4.900	Philippines
26	Ocean 39	HCM	12/05/2022	6.800	Philippines
27	Royal 16	HCM	12/05/2022	5.000	Philippines
28	Hải Hà 58	HCM	13/05/2022	3.900	Philippines
29	J-Phia	Mỹ Thới	13/05/2022	1.300	Philippines
30	TLC 01	HCM	13/05/2022	6.000	Philippines
31	An Bình	HCM	16/05/2022	4.000	Philippines
32	Ant Apolo	HCM	16/05/2022	6.800	Philippines
33	Giang Hải 09	HCM	16/05/2022	4.700	Philippines
34	Nasico Eagle	HCM	16/05/2022	6.300	Philippines
35	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	16/05/2022	4.800	Philippines
36	Vinaship Gold	HCM	16/05/2022	13.000	Philippines
37	Vĩnh Phúc	HCM	16/05/2022	2.800	Philippines
38	MD Sun	HCM	18/05/2022	6.500	Philippines
39	New Sun Green	HCM	18/05/2022	5.000	Philippines
40	Việt Hải Sun	HCM	18/05/2022	6.500	Philippines
41	Đức Đạt 666	HCM	19/05/2022	5.000	Philippines
Tổng				282.800	

IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	19/05	+/-	19/05	+/-	19/05	+/-	19/05	+/-	19/05	+/-	19/05	+/-	19/05	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.650	-	5.750	-50	5.725	+50	5.675	-	5.675	-75			6.100	-	6.100	5.763
Lúa thường	5.450	+100	5.500	-100	5.450	+75	5.450	+100	5.450	-250	5.550	-	5.700	-	5.700	5.507
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.250	-	6.750	-50	7.075	+50	7.250	-25	6.000	-			7.100	-	7.250	6.904
Lúa thường	7.150	-	6.550	-50	6.550	+75	7.125	-	5.950	-			6.700	-	7.150	6.671
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	9.350	+200	9.000	-	9.075	-	9.000	-50	9.050	+400			9.150	-	9.350	9.104
Lứt loại 2	8.350	-	8.500	-	8.475	100	8.450	-	8.350	+100	8.250	-	8.400	-50	8.500	8.396
Xát trắng loại 1			9.750	-					9.550	-			10.000	-200	10.000	9.767
Xát trắng loại 2			8.850	-					8.850	-	8.800	-	8.900	-50	8.900	8.850
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	8.550	+300	8.450	-	8.450	+100	8.250	-100	8.325	+175	7.950	-	8.600	+200	8.600	8.368
Tấm 2/3			8.250	-	8.350	+100			8.025	-			8.200	-	8.350	8.206
Tấm 3/4	7.950	-	8.150	-	7.975	+50			7.950						8.150	8.006
Cám xát	8.550	-	8.550	-50	8.475	-175	8.550	-	8.575	+125	7.650	-	8.750	-100	8.750	8.443
Cám lau	8.550	-	8.550	-50	8.475	-175	8.550	-	8.575	+125	7.650	-	8.750	-100	8.750	8.443
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.550	-	9.450	-	9.350	+50	8.950	-	9.200	-	9.200	-	9.000	-50	9.550	9.243
10%			9.350	-					8.950	-					9.350	9.150
15%	9.350	-	9.250	-	9.050	+50			8.800	-	8.800	-	8.900	-50	9.350	9.025
20%			9.150	-					8.700	-					9.150	8.925
25%	9.150	-	9.050	-	8.750	+50			8.600	-	8.400	-	8.750	-50	9.150	8.783
